

NHÓM TÁC GIẢ GỒM

Biên tập:
Bùi Chính Nghĩa, Tô Thị Thu Hương, Võ Việt Cường

Cố vấn:
Nguyễn Tuấn Phú, Nguyễn Ngọc Bình và Nguyễn Chí Thành

Xuất bản bởi
Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ)
Chương trình Lâm nghiệp Việt - Đức
Tổ chức Winrock International
Dự án Tài chính Bền vững khu vực Trường Sơn

Chịu trách nhiệm
Tô Thị Thu Hương, Võ Việt Cường

Photo bởi
Cục kiểm lâm,
Chương trình Lâm nghiệp Việt - Đức
Tổ chức Winrock International

Thiết kế
Golden Sky, Hà Nội, Việt Nam
84-4 3972 8458

© gtz 2010



HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG



THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2010/NĐ-CP
NGÀY 24/9/2010 CỦA CHÍNH PHỦ



gtz

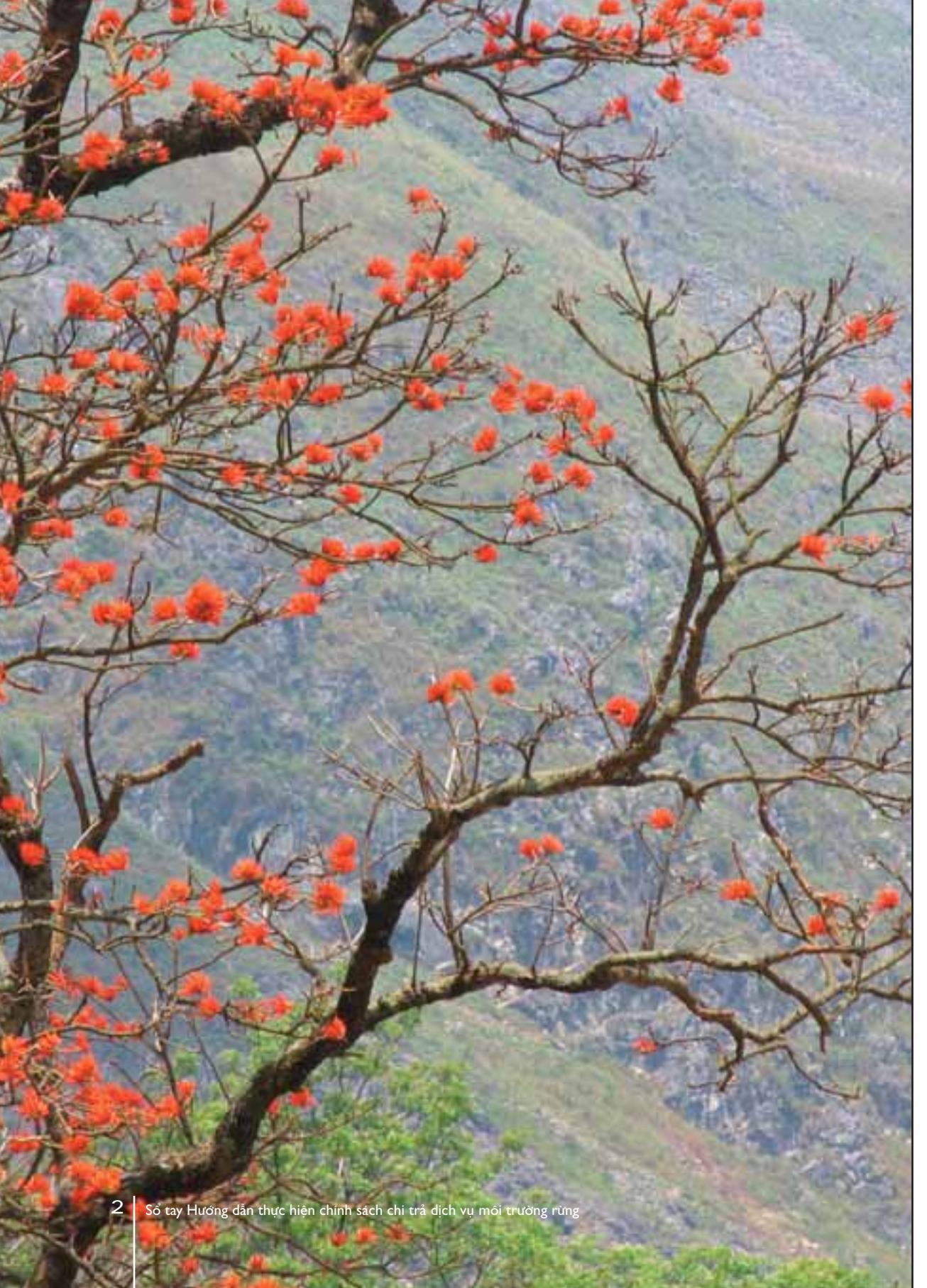
Wi
WINROCK
INTERNATIONAL

GASFP

SƠI TAY
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
CHÍNH SÁCH CHI TRA
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2010/NĐ-CP
NGÀY 24/9/2010 CỦA CHÍNH PHỦ)





L úi noi àêù

Việt Nam là một trong những quốc gia tiên phong trong khu vực Đông Nam Á khởi xướng thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES). Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 380/2008/QĐ-CP thí điểm thực hiện tại tỉnh Sơn La và Lâm Đồng, trong giai đoạn 2 năm (2008-2009), là hai địa bàn thí điểm duy nhất trên toàn quốc.

Sau một năm thực hiện thí điểm, Chính phủ đã chính thức giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN-PTNT) tiến hành xây dựng Nghị định PFES áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn quốc. Chính phủ cũng ghi nhận sự đóng góp to lớn của GTZ và Winrock International đã hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và tư vấn trong suốt quá trình thực hiện thí điểm. Kết quả là, đến tháng 9/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 99/2010/NĐ-CP về thực hiện PFES trên toàn quốc.

Với mục đích hướng dẫn các tỉnh thực hiện đồng bộ PFES trên toàn quốc, Chương trình Lâm nghiệp Việt – Đức (GTZ/FP) phối hợp với dự án Tài chính bền vững khu vực Trường Sơn (GASFP) của tổ chức Winrock International hỗ trợ biên soạn, xuất bản và phát hành cuốn “Sổ tay Hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”.

Cuốn Sổ tay này giới thiệu trình tự các bước công việc triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, làm cơ sở để các cơ quan chức năng ở tỉnh tham khảo và sử dụng. Hy vọng, tài liệu này sẽ giúp các cơ quan ban ngành của tỉnh triển khai thực hiện PFES vì mục tiêu đảm bảo công bằng trong xã hội giữa người cung cấp và sử dụng dịch vụ môi trường rừng, tạo thu nhập cho người dân tham gia bảo vệ rừng và góp phần quản lý rừng bền vững, xóa đói giảm nghèo.

Hà nội, tháng 11/2010
GTZ và Winrock International

Danh sách chuyên gia độc lập PFES

NGUYỄN TUẤN PHÚ

Chức vụ: Vụ trưởng Vụ kinh tế ngành
Đơn vị công tác: Văn phòng Chính phủ
Lĩnh vực chuyên môn: Kinh tế lâm nghiệp
Địa chỉ email: tuanphulinhdam@gmail.com
Số điện thoại: 0913206114

NGUYỄN CHÍ THÀNH

Chức vụ: Chuyên gia độc lập
Lĩnh vực chuyên môn: Xây dựng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Điều tra-Quy hoạch rừng
Địa chỉ email: thanh.wetland@gmail.com
Số điện thoại: 0913119249

VƯƠNG VĂN QUỲNH

Chức vụ: Viện trưởng
Đơn vị công tác: Viện Sinh thái rừng và Môi trường ĐHLN Xuân Mai
Lĩnh vực chuyên môn: Sinh thái rừng và môi trường
Địa chỉ email: quynhxm_2005@yahoo.com
Số điện thoại: 0914491650

CHU ĐÌNH QUANG

Chức vụ: Phó tổng thư ký
Đơn vị công tác: Hiệp Hội gỗ và lâm sản Việt Nam
Lĩnh vực chuyên môn: Xây dựng đề án chi trả DVMTR
Địa chỉ email: chudinhquang.gtz@gmail.com
Số điện thoại: 912255869

VŨ TẤN PHƯƠNG

Chức vụ: Giám đốc
Đơn vị công tác: Trung tâm nghiên cứu sinh thái và môi trường rừng
Lĩnh vực chuyên môn: Sử dụng đất và môi trường lâm nghiệp
Địa chỉ email: phuong.vt@rcfee.org.vn
Số điện thoại: 913541480

PHẠM XUÂN PHƯƠNG

Chức vụ: Chuyên gia độc lập
Lĩnh vực chuyên môn: Pháp luật, chính sách về lâm nghiệp
Địa chỉ email: xuanphuong_p@yahoo.com
Số điện thoại: 0947 096836

NGUYỄN VĂN VŨ

Chức vụ: Phó vụ trưởng
Đơn vị công tác: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Lâm nghiệp
Lĩnh vực chuyên môn: Kinh tế - tài chính
Địa chỉ email: nguyen_vanvu@yahoo.com
Số điện thoại: 904117427

NGUYỄN THÍ BÍCH THỦY

Chức vụ: Quản lý chương trình
Đơn vị công tác: Winrock International
Lĩnh vực chuyên môn: Kinh tế LN và Giống-Trồng rừng
Địa chỉ email: bichthuy99@gmail.com
Số điện thoại: 939848270

LÊ MẠNH THẮNG

Chức vụ: Chuyên viên
Đơn vị công tác: Chi Cục Lâm nghiệp tỉnh Sơn La - Quỹ BVPT rừng tỉnh Sơn La
Lĩnh vực chuyên môn: Lâm nghiệp xã hội
Địa chỉ email: thanglnsl@gmail.com
Số điện thoại: 915001901

mục lục

| | |
|-----------------------------------------|---|
| LỜI NÓI ĐẦU | 3 |
| DANH SÁCH CHUYÊN GIA ĐỘC LẬP PFES | 4 |

KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG....7

1. Mục đích của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR).....7
2. Loại rừng được chi trả DVMTR.....7
3. Đối tượng được nhận tiền chi trả DVMTR8
4. Đối tượng phải trả tiền DVMTR9
5. Quỹ BV&PTR của tỉnh10
6. Nhiệm vụ của UBND tỉnh.....10

SƠ ĐỒ CÁC BƯỚC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở CẤP TỈNH..13

1. Thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) thực hiện Nghị định số 9914
2. Thành lập “Tổ kỹ thuật”15
3. Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh17
4. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 99/2010/NĐ-CP19
5. Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích, hiện trạng rừng và đất các khu rừng có cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh.....20
6. Xác định và thống kê các cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch, du lịch có trụ sở bên trong hay ngoài địa bàn tỉnh nhưng có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh, phải trả tiền DVMTR22
7. Xác định vị trí, phạm vi, ranh giới, diện tích các khu rừng có cung ứng DVMTR cho từng cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch, du lịch trên địa bàn tỉnh.Thống kê theo từng chủ rừng, xã và huyện.....24
8. Xác định các đối tượng cung ứng DVMTR (các chủ rừng, các đối tượng ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng) trên các diện tích rừng có cung ứng DVMTR của tỉnh.Thống kê theo từng chủ rừng, xã và huyện26
9. Điều tra xác định sản lượng điện thương phẩm của từng cơ sở sản xuất thủy điện có sử dụng DVMTR của các khu rừng trên địa bàn tỉnh.....28
10. Điều tra xác định sản lượng nước thương phẩm của từng công ty sản xuất nước sạch có sử dụng DVMTR của các khu rừng trên địa bàn tỉnh.....30
11. Điều tra xác định doanh số của các cơ sở kinh doanh du lịch có sử dụng DVMTR của các khu rừng trên địa bàn tỉnh.....32
12. Chọn địa bàn thực hiện làm mẫu.....34
13. Tập huấn kỹ thuật, tuyên truyền.....37
14. Xây dựng Đề án giao rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh39
15. Xây dựng Đề án khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh41
16. Xây dựng Đề án về cơ chế quản lý và sử dụng tiền chi trả DVMTR42
17. Triển khai thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn các huyện44



Khai quát về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

I. MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG (DVMTR)

- Tạo cơ chế tài chính mới cho công tác BV&PTR thông qua việc chi trả bằng nguồn tiền ủy thác của bên sử dụng DVMTR trả cho bên cung ứng DVMTR.
- Cải thiện thu nhập của những đối tượng trực tiếp lao động BV&PTR bằng kết quả lao động để cung ứng DVMTR của chính họ.
- Xã hội hóa công tác BV&PTR theo nguyên tắc những người sử dụng DVMTR phải trả tiền cho những người cung ứng DVMTR.
- Góp phần bảo vệ rừng tốt hơn.

2. LOẠI RỪNG ĐƯỢC CHI TRẢ DVMTR

Là các khu rừng thuộc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất có cung ứng một hay nhiều DVMTR.



3. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NHẬN TIỀN CHI TRẢ DVMTR

Bao gồm:

- **Chủ rừng** của các khu rừng có cung ứng DVMTR; và
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng **nhận khoán bảo vệ rừng** ổn định lâu dài với các chủ rừng là tổ chức nhà nước.

Các chủ rừng bao gồm:

- Tổ chức được Nhà nước giao rừng;
- Tổ chức được Nhà nước cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;
- Tổ chức tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao;
- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng;
- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;
- Cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng;
- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao.

4. ĐỐI TƯỢNG PHẢI TRẢ TIỀN DVMTR

Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ (dưới đây gọi tắt là Nghị định 99/2010/NĐ-CP) quy định 5 loại DVMTR, trong đó có 3 loại DVMTR đã được quy định các đối tượng phải trả tiền, gồm:

- a. Các cơ sở sản xuất thuỷ điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thuỷ điện. Mức chi trả là 20 đồng/KWh điện thương phẩm trong kỳ thanh toán.
- b. Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch. Mức chi trả là 40 đồng/m³ nước thương phẩm trong kỳ thanh toán.
- c. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch. Mức chi trả tính bằng 1% đến 2% trên doanh thu thực hiện trong kỳ.



5. QUỸ BV&PTR CỦA TỈNH

Được thành lập theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

Nhiệm vụ:

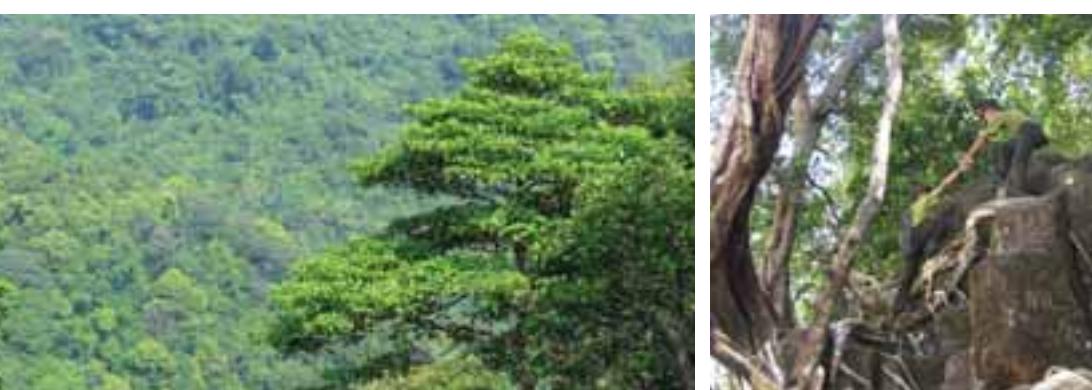
- Tiếp nhận ủy thác tiền chi trả DVMTR từ các đối tượng phải trả tiền
- Chuyển tiền ủy thác đến các đối tượng được nhận tiền DVMTR.

Tiền chi trả DVMTR **là tiền** của các đối tượng phải trả tiền DVMTR **ủy thác** cho Quỹ BV&PTR thay mặt họ để trả cho các đối tượng cung ứng các DVMTR, **không phải là tiền ngân sách nhà nước**.

6. NHIỆM VỤ CỦA UBND TỈNH

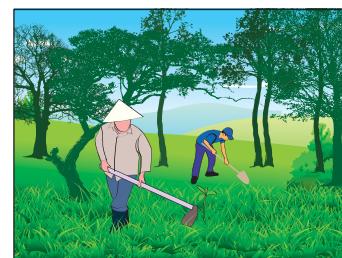
Chỉ đạo thực hiện các công việc để triển khai thực hiện Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, gồm các nội dung chủ yếu như sau:

- Các công việc về tổ chức: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chính sách chi trả DVMTR cấp tỉnh; Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, Ban, Ngành; Thành lập Quỹ BV&PTR.
- Các công việc về chuyên môn: Rà soát, xác định các đối tượng có sử dụng các DVMTR từ các khu rừng của tỉnh và phải trả tiền DVMTR; Rà soát, xác định các đối tượng cung ứng DVMTR và được nhận tiền DVMTR; Xây dựng cơ chế chi trả DVMTR.
- Phổ biến, tuyên truyền về chính sách chi trả DVMTR.
- Đánh giá, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.



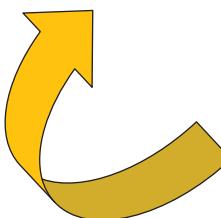
SƠ ĐỒ NỘI DUNG CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Đối tượng được nhận tiền chi trả DVMTR



Cung ứng DVMTR

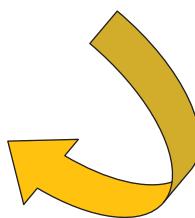
Các đối tượng phải trả tiền DVMTR



Chi trả tiền ủy thác



Quỹ BV&PTR



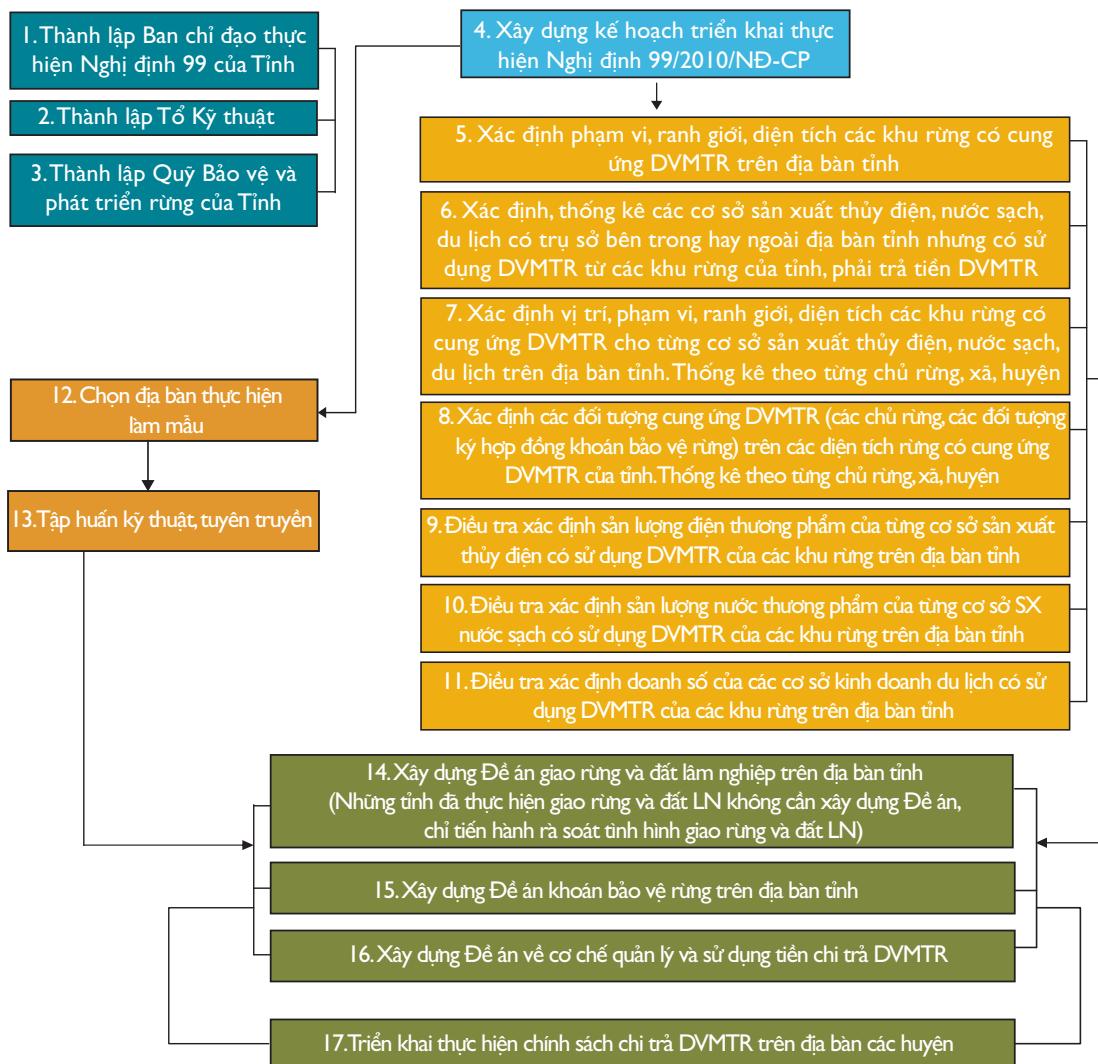
Tiền ủy thác

Trình tự các công việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Trình tự thực hiện các công việc dưới đây có thể thay đổi cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.



SÚ ÀÖÌ CÁC BÛÚC CÖNG VIËC TRIËN KHAI THÔC HIËN ÚÃCÊP TÓNH





I. THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO (BCĐ) THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 99

Mục đích:

Thực hiện Điều 22 của Nghị định.

Nội dung công việc:

- Ban hành Quyết định của UBND tỉnh về thành lập BCĐ.
- Trưởng ban: Chủ tịch UBND tỉnh
- Phó ban thường trực: Phó Chủ tịch UBND tỉnh
- Ủy viên: Giám đốc các Sở: NN&PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương, Văn hóa-Thể thao-Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư

Sản phẩm:

Văn bản Quyết định thành lập BCĐ do Chủ tịch UBND tỉnh ký

Phân công thực hiện:

Sở NN&PTNT có nhiệm vụ: Là cơ quan đầu mối điều phối các công việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh; Liên hệ công tác với Tổng cục Lâm nghiệp về các nội dung liên quan đến Quỹ BV&PTR Việt Nam; Giám đốc Sở NN&PTNT trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của Quỹ BV&PTR của tỉnh.



2. THÀNH LẬP “TỔ KỸ THUẬT”

Mục đích:

Giúp BCĐ của tỉnh, các huyện, các xã, các chủ rừng thực hiện các nội dung công việc có tính kỹ thuật trong triển khai chính sách chi trả DVMTR ở tỉnh.

“Tổ Kỹ thuật” do Chi cục Lâm nghiệp hoặc Chi cục Kiểm lâm trực tiếp điều hành. Kinh phí hoạt động do ngân sách của tỉnh cấp và từ nguồn chi quản lý của Quỹ BV&PTR của tỉnh.

Nội dung công việc:

- Rà soát xác định hiện trạng rừng cấp xã, huyện, tỉnh;
- Xác định các đối tượng cung ứng DVMTR (được nhận tiền chi trả DVMTR);
- Phối hợp với Quỹ BV&PTR xác định các đối tượng sử dụng DVMTR từ các khu rừng trên địa bàn tỉnh (phải trả tiền DVMTR);
- Xây dựng cơ chế chi trả tiền DVMTR;
- Hướng dẫn áp dụng cơ chế chi trả tiền DVMTR trên địa bàn;

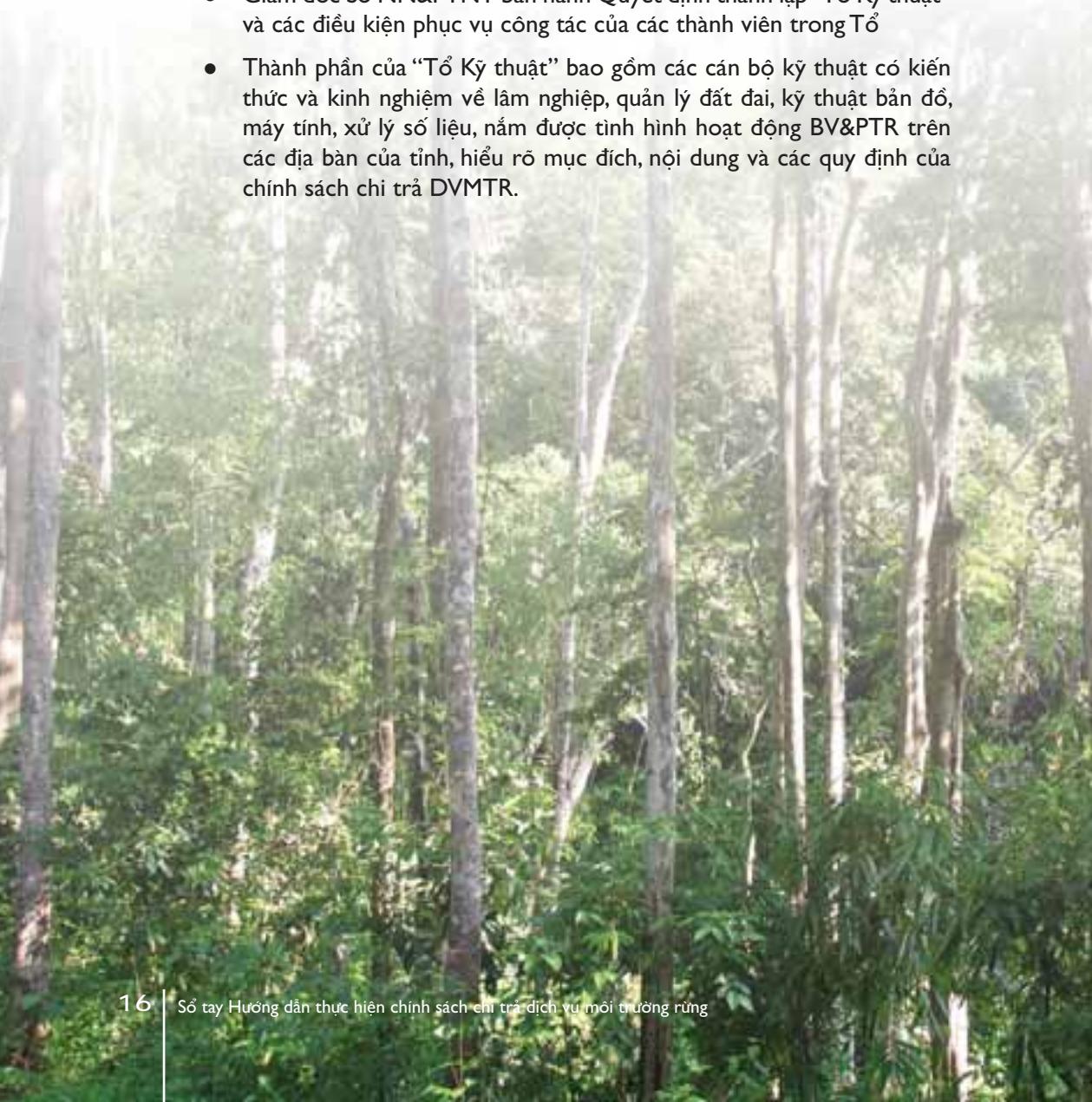
- Tham gia giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách chi trả DVMTR;
- Và các công việc kỹ thuật khác.

Sản phẩm:

Là các bản đồ, số liệu, tài liệu từ kết quả của các công việc trên

Phân công thực hiện:

- Giám đốc Sở NN&PTNT ban hành Quyết định thành lập “Tổ Kỹ thuật” và các điều kiện phục vụ công tác của các thành viên trong Tổ
- Thành phần của “Tổ Kỹ thuật” bao gồm các cán bộ kỹ thuật có kiến thức và kinh nghiệm về lâm nghiệp, quản lý đất đai, kỹ thuật bản đồ, máy tính, xử lý số liệu, nắm được tình hình hoạt động BV&PTR trên các địa bàn của tỉnh, hiểu rõ mục đích, nội dung và các quy định của chính sách chi trả DVMTR.



3. THÀNH LẬP QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CẤP TỈNH

Mục đích:

Để thực hiện nhiệm vụ ủy thác chi trả tiền DVMTR của bên sử dụng DVMTR trả cho bên cung ứng DVMTR theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

Nội dung công việc:

- Xây dựng Đề án thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ trình UBND tỉnh phê duyệt (theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng);
- Dự thảo văn bản Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ BV&PTR;
- Dự thảo văn bản Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức Quỹ BV&PTR ở cấp tỉnh và phân công các chức danh Lãnh đạo Quỹ (theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 về Tổ chức Quỹ, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ BV&FTR);



- Dự thảo văn bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (tham khảo bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BV&PTR Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-BNN ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT và Điều lệ mẫu của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT);
- Dự thảo văn bản Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt và ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.

Sản phẩm:

- Bản Đề án thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ BV&PTR.
- Bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về tổ chức Quỹ BV&PTR ở cấp tỉnh, phân công các chức danh Lãnh đạo Quỹ và ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BV&PTR cấp tỉnh.

Phân công thực hiện:

Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ và Sở Tài chính thực hiện các công việc trên.



4. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 99/2010/NĐ-CP

Mục đích:

Để làm căn cứ cho việc chỉ đạo, điều phối và triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về chính sách chi trả DVMTR.

Nội dung công việc:

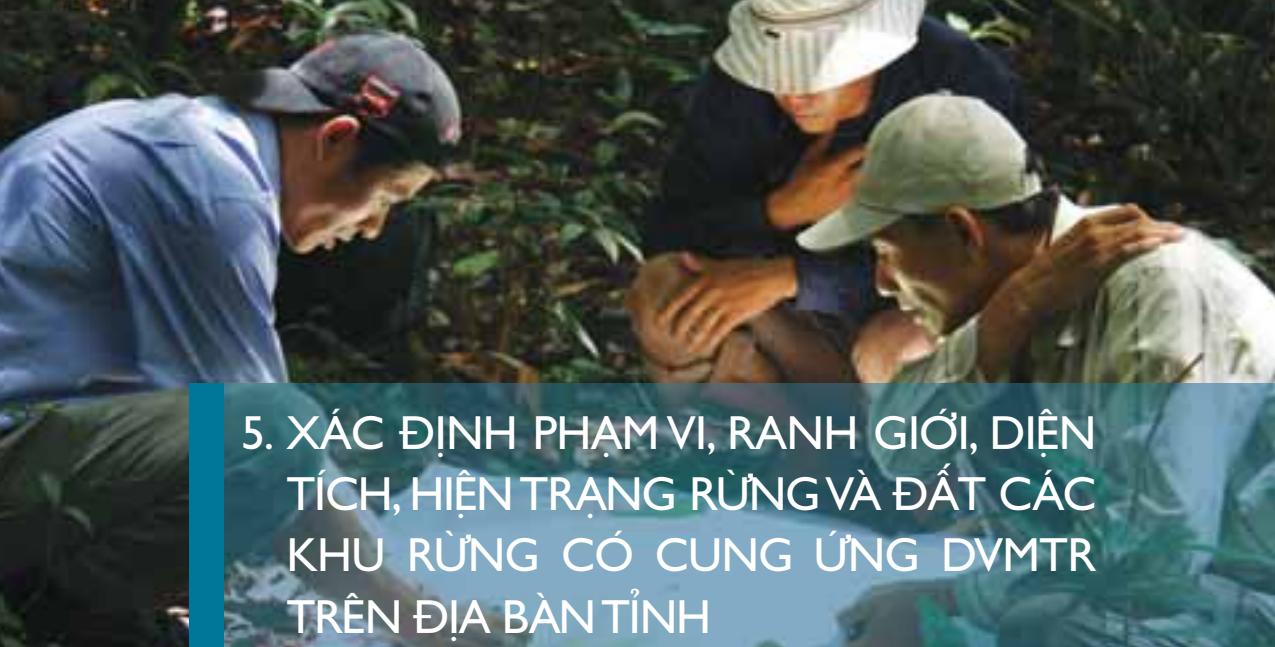
- Xây dựng kế hoạch thực hiện các công việc theo thời gian;
- Xây dựng kế hoạch kinh phí để thực hiện các công việc, phân theo từng công việc, thời gian và nguồn kinh phí;
- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, gồm phân công trách nhiệm, nguồn nhân lực và kết quả cần đạt được;
- Tổng hợp kế hoạch theo tiến độ và kinh phí ;
- Tổ chức các cuộc họp hay hội thảo để thảo luận các nội dung kế hoạch.

Sản phẩm:

- Bản kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 99.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bản kế hoạch.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính
- Các cơ quan khác có liên quan.



5. XÁC ĐỊNH PHẠM VI, RẠNH GIỚI, DIỆN TÍCH, HIỆN TRẠNG RỪNG VÀ ĐẤT CÁC KHU RỪNG CÓ CUNG ỨNG DVMTR TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích các khu rừng có cung ứng DVMTR để làm cơ sở xác định phạm vi khu rừng có cung ứng DVMTR cho từng cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch, du lịch và xác định các đối tượng cung ứng DVMTR.

Nội dung công việc:

- Rà soát các số liệu và bản đồ hiện trạng rừng hiện có của từng chủ rừng;
- Rà soát các số liệu và bản đồ hiện trạng rừng hiện có của tỉnh, huyện, xã;;
- Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích, hiện trạng rừng và đất đai các khu rừng phòng hộ cho từng cơ sở sản xuất thủy điện;
- Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích, hiện trạng rừng và đất đai các khu rừng phòng hộ cho từng cơ sở sản xuất nước sạch;
- Xác định phạm vi, ranh giới, diện tích các khu rừng có cung ứng DVMTR nằm trên địa bàn của tỉnh và các tỉnh giáp ranh;
- Xây dựng báo cáo thuyết minh, bản đồ và bộ số liệu thống kê hiện trạng rừng vùng rừng chi trả DVMTR cho từng chủ rừng;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh, bản đồ và bộ số liệu thống kê hiện trạng rừng vùng rừng chi trả DVMTR cho các đơn vị xã, huyện, tỉnh;
- Trình UBND tỉnh phê duyệt các bộ hồ sơ (báo cáo, bản đồ, số liệu) hiện trạng rừng vùng rừng chi trả DVMTR của tỉnh.



Sản phẩm:

Các bộ hồ sơ hiện trạng rừng vùng rừng chi trả DVMTR được UBND tỉnh phê duyệt.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện.
- “Tổ Kỹ thuật” được giao trực tiếp thực hiện.





6. XÁC ĐỊNH VÀ THỐNG KÊ CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN, NƯỚC SẠCH, DU LỊCH CÓ TRỤ SỞ BÊN TRONG HAY NGOÀI ĐỊA BÀN TỈNH NHƯNG CÓ SỬ DỤNG DVMTR TỪ CÁC KHU RỪNG CỦA TỈNH, PHẢI TRẢ TIỀN DVMTR

Mục đích:

Để BCĐ của tỉnh và Quỹ BV&PTR nắm được số lượng các đối tượng có sử dụng các DVMTR từ các khu rừng của tỉnh và các tỉnh giáp ranh.

Nội dung công việc:

a. Đối với các cơ sở sản xuất thủy điện và nước sạch

- Điều tra, thống kê các hồ chứa nước đã, đang và sẽ xây dựng và các nguồn nước khác từ rừng đầu nguồn trên địa bàn tỉnh cung cấp nguồn nước cho sản xuất thủy điện và nước sạch;
- Lập danh sách các cơ sở sản xuất thủy điện và nước sạch có trụ sở trên địa bàn tỉnh hoặc trên địa bàn của tỉnh giáp ranh có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh.

b. Đối với các cơ sở kinh doanh du lịch

- Điều tra, thống kê các khu rừng trên địa bàn tỉnh đã, đang và sẽ là địa điểm tổ chức các loại hình du lịch (lưu trú và lữ hành) có sử dụng các DVMTR;

- Lập danh sách các cơ sở kinh doanh du lịch lưu trú và lữ hành của tỉnh hoặc của các địa phương khác đã, đang và sẽ tiến hành kinh doanh các sản phẩm du lịch sử dụng các cảnh quan tự nhiên, tài nguyên đa dạng sinh học và các tài nguyên du lịch khác từ các khu rừng trên địa bàn của tỉnh.

Sản phẩm:

- Bảng danh sách các cơ sở sản xuất thủy điện có trụ sở trên địa bàn tỉnh hoặc trên địa bàn tỉnh giáp ranh có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bảng danh sách các cơ sở sản xuất nước sạch có trụ sở trên địa bàn tỉnh hoặc trên địa bàn của tỉnh giáp ranh có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bảng danh sách các cơ sở kinh doanh du lịch có trụ sở trên địa bàn tỉnh hoặc trên địa bàn tỉnh giáp ranh có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt.



Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Văn hóa-Thể thao-Du lịch.
- “Tổ Kỹ thuật” trực tiếp thực hiện.

7. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ, PHẠM VI, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÁC KHU RỪNG CÓ CUNG ỦNG DVMTR CHO TÙNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN, NƯỚC SẠCH, DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH. THỐNG KÊ THEO TÙNG CHỦ RỪNG, XÃ VÀ HUYỆN

Mục đích:

- Để làm căn cứ cho UBND tỉnh phê duyệt vị trí, phạm vi, ranh giới, diện tích các khu rừng thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh.
- Để làm căn cứ xác định mức chi trả tiền DVMTR cho từng khu rừng cung ứng DVMTR.
- Để làm căn cứ xác định các đối tượng được nhận tiền chi trả DVMTR.
- Để làm căn cứ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giám sát chất lượng cung ứng DVMTR.
- Để làm căn cứ cho bên trả tiền DVMTR giám sát về diện tích và hiện trạng của khu rừng đã cung ứng DVMTR cho họ mà họ đã trả tiền.

Nội dung công việc:

- Xây dựng bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh theo các đơn vị chủ rừng, xã, huyện, tỉnh;
- Xây dựng bản đồ về phạm vi, ranh giới các khu rừng trong lưu vực có cung ứng các DVMTR cho từng cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch và kinh doanh du lịch;

- Lập biểu thống kê diện tích rừng cung ứng DVMTR cho từng cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch và kinh doanh du lịch;
- Thống nhất nội dung các bản đồ và số liệu với các đơn vị chủ rừng, UBND các xã, UBND các huyện và các cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch và kinh doanh du lịch;
- Thẩm định nội dung các bản đồ và số liệu tại Sở NN&PTNT, có sự tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trình UBND tỉnh phê duyệt các bản đồ và số liệu.

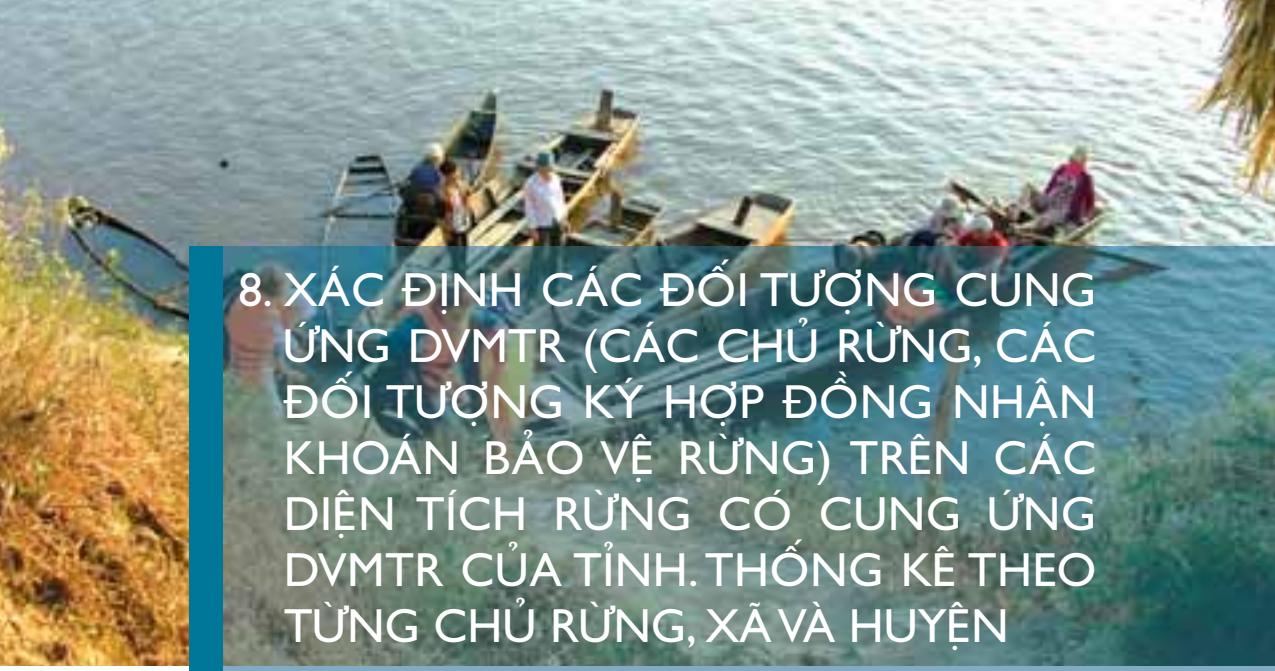


Sản phẩm:

- Bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh theo từng đơn vị chủ rừng được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh theo từng xã được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh theo từng huyện được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh theo từng cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch và kinh doanh du lịch được UBND tỉnh phê duyệt.
- Bản đồ, biểu số liệu thống kê diện tích đất có rừng trong phạm vi lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện.
- “Tổ Kỹ thuật” trực tiếp thực hiện.



8. XÁC ĐỊNH CÁC ĐỐI TƯỢNG CUNG ỨNG DVMTR (CÁC CHỦ RỪNG, CÁC ĐỐI TƯỢNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN KHOÁN BẢO VỆ RỪNG) TRÊN CÁC DIỆN TÍCH RỪNG CÓ CUNG ỨNG DVMTR CỦA TỈNH. THỐNG KÊ THEO TỪNG CHỦ RỪNG, XÃ VÀ HUYỆN

Mục đích:

Để xác định các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có cung ứng DVMTR, được hưởng tiền chi trả DVMTR

Nội dung công việc:

- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao rừng và đất rừng để BV&PTR. Bảng danh sách có xác nhận, đề nghị của Sở NN&PTNT, trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao đất lâm nghiệp, tự đầu tư trồng rừng. Bảng danh sách có xác nhận, đề nghị của Sở NN&PTNT, trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định cho thuê rừng và đất rừng để BV&PTR. Bảng danh sách có xác nhận, đề nghị của Sở NN&PTNT, trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao rừng và đất rừng để BV&PTR. Bảng danh sách có xác nhận của UBND xã và phê duyệt của UBND huyện;

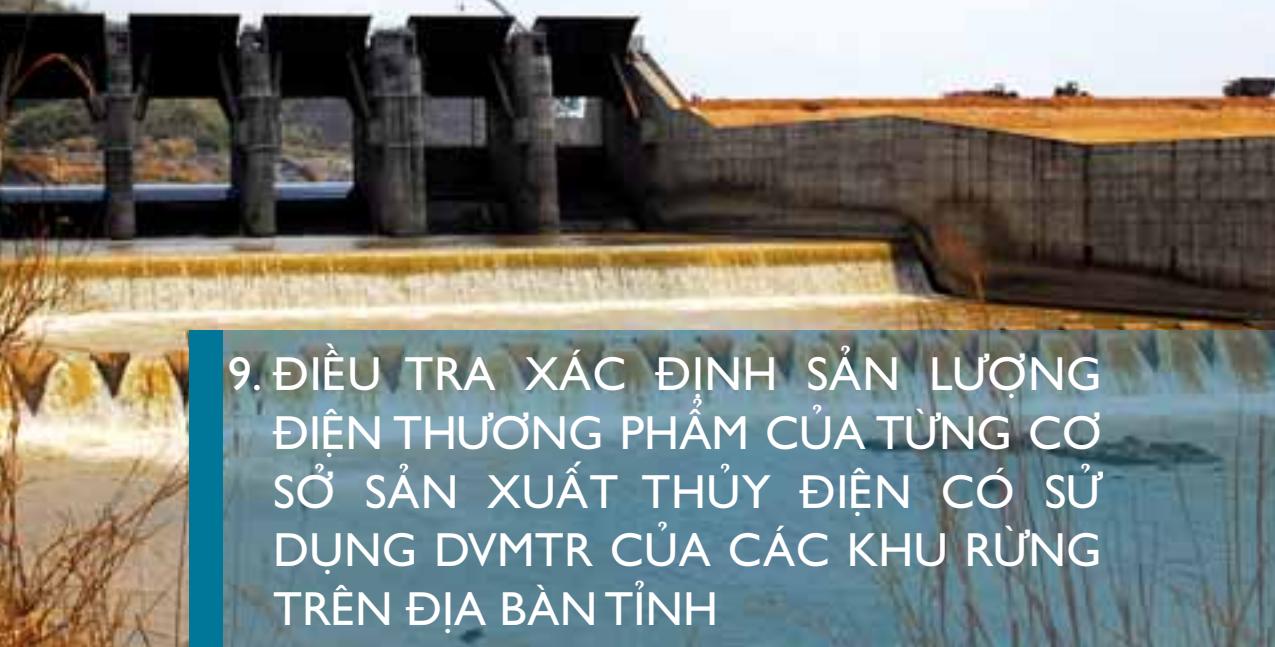
- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao đất lâm nghiệp, tự đầu tư trồng rừng. Bảng danh sách có xác nhận của UBND xã và phê duyệt của UBND huyện;
- Điều tra, lập bảng danh sách thống kê các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ký với các chủ rừng là tổ chức nhà nước, có xác nhận của UBND xã;

Sản phẩm:

- Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao rừng và đất rừng để BV&PTR. Kèm theo bảng danh sách và công văn đề nghị phê duyệt của Sở NN&PTNT.
- Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao rừng và đất rừng để BV&PTR, tự đầu tư trồng rừng. Kèm theo bảng danh sách và công văn đề nghị phê duyệt của Sở NN&PTNT.
- Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách các chủ rừng là tổ chức được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định cho thuê rừng và đất rừng để BV&PTR. Kèm theo bảng danh sách và công văn đề nghị phê duyệt của Sở NN&PTNT.
- Quyết định của UBND huyện phê duyệt danh sách các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao rừng và đất rừng để BV&PTR. Kèm theo bảng danh sách và công văn đề nghị phê duyệt của UBND xã.
- Quyết định của UBND huyện phê duyệt danh sách các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được UBND tỉnh hoặc UBND huyện cấp quyết định giao đất lâm nghiệp, tự đầu tư trồng rừng. Kèm theo bảng danh sách và công văn đề nghị phê duyệt của UBND xã.
- Quyết định của UBND xã phê duyệt danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ký với các chủ rừng là tổ chức nhà nước. Kèm theo bảng danh sách.

Phân công thực hiện:

- “Tổ Kỹ thuật” phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện, các chủ rừng là tổ chức nhà nước, UBND xã



9. ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG ĐIỆN THƯƠNG PHẨM CỦA TỪNG CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CÓ SỬ DỤNG DVMTR CỦA CÁC KHU RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Để biết tổng số tiền chi trả DVMTR của từng cơ sở sản xuất thủy điện trong tháng, quý, năm làm cơ sở tính toán mức chi trả và xây dựng kế hoạch chi trả DVMTR.

Nội dung công việc:

- Đến làm việc với từng cơ sở sản xuất thủy điện có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh (theo danh sách được UBND tỉnh phê duyệt) để nắm được sản lượng điện thương phẩm hàng tháng, quý, năm của cơ sở theo số liệu mà họ đã quyết toán với cơ quan thuế;
- Lập biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở sản xuất thủy điện về: Sản lượng điện thương phẩm; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở sản xuất thủy điện cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở sản xuất thủy điện.

Sản phẩm:

- Tài liệu về sản lượng điện thương phẩm của cơ sở sản xuất thủy điện.
- Biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở sản xuất thủy điện về: Sản lượng điện thương phẩm; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở sản xuất thủy điện cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở sản xuất thủy điện.
- Trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện sử dụng DVMTR từ các khu rừng nằm trên địa bàn của tỉnh và các tỉnh giáp ranh thì các sản phẩm trên vừa sử dụng cho việc chi trả DVMTR của tỉnh, đồng thời nộp cho Quỹ BV&PTR Việt Nam để phân phối giữa các tỉnh.



Phân công thực hiện:

- Quỹ BV&PTR của tỉnh chủ trì
- Phối hợp với “Tổ Kỹ thuật”





10. ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG NƯỚC THƯƠNG PHẨM CỦA TỪNG CÔNG TY SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH CÓ SỬ DỤNG DVMTR CỦA CÁC KHU RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Để biết tổng số tiền chi trả DVMTR của từng cơ sở sản xuất nước sạch trong tháng, quý, năm làm cơ sở tính toán mức chi trả và xây dựng kế hoạch chi trả DVMTR

Nội dung công việc:

- Đến làm việc với từng cơ sở sản xuất nước sạch có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh (theo danh sách được UBND tỉnh phê duyệt) để nắm được sản lượng nước thương phẩm hàng tháng, quý, năm của cơ sở theo số liệu mà họ đã quyết toán với cơ quan thuế;
- Lập biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở sản xuất nước sạch về: Sản lượng nước thương phẩm; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở sản xuất nước sạch cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở sản xuất nước sạch;

Sản phẩm:

- Tài liệu về sản lượng nước thương phẩm của cơ sở sản xuất nước sạch.
- Biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở sản xuất nước sạch về: Sản lượng nước thương phẩm; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở sản xuất nước sạch cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở sản xuất nước sạch.
- Trường hợp cơ sở sản xuất nước sạch sử dụng DVMTR từ các khu rừng nằm trên địa bàn của tỉnh và các tỉnh giáp ranh thì các sản phẩm trên vừa sử dụng cho việc chi trả DVMTR của tỉnh, đồng thời nộp cho Quỹ BV&PTR Việt Nam để phân phối giữa các tỉnh.



Phân công thực hiện:

- Quỹ BV&PTR của tỉnh chủ trì.
- Phối hợp với “Tổ Kỹ thuật”.



II. ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH DOANH SỐ CỦA CÁC CƠ SỞ KINH DOANH DU LỊCH CÓ SỬ DỤNG DVMTR CỦA CÁC KHU RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Để biết tổng số tiền chi trả DVMTR của từng cơ sở kinh doanh du lịch trong tháng, quý, năm làm cơ sở tính toán mức chi trả và xây dựng kế hoạch chi trả DVMTR.

Nội dung công việc:

- Đến làm việc với từng cơ sở kinh doanh du lịch có sử dụng DVMTR từ các khu rừng của tỉnh (theo danh sách được UBND tỉnh phê duyệt) để nắm được doanh số hàng tháng, quý, năm của cơ sở theo số liệu mà họ đã quyết toán với cơ quan thuế;
- Lập biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở kinh doanh du lịch về: Doanh số theo kỳ; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở kinh doanh du lịch cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở kinh doanh du lịch;

Sản phẩm:

- Tài liệu về doanh số theo kỳ của từng cơ sở kinh doanh du lịch.
- Biên bản thỏa thuận giữa Giám đốc Quỹ BV&PTR của tỉnh với Giám đốc cơ sở kinh doanh du lịch về: Doanh số theo kỳ; Số tiền DVMTR cơ sở phải trả theo mức chi trả quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Phương thức chuyển tiền ủy thác từ cơ sở kinh doanh du lịch cho Quỹ BV&PTR; Phương thức giám sát việc quản lý và sử dụng tiền ủy thác của cơ sở kinh doanh du lịch.
- Trường hợp cơ sở kinh doanh du lịch sử dụng DVMTR từ các khu rừng nằm trên địa bàn của tỉnh và các tỉnh giáp ranh thì các sản phẩm trên vừa sử dụng cho việc chi trả DVMTR của tỉnh, đồng thời nộp cho Quỹ BV&PTR Việt Nam để phân phối giữa các tỉnh.



Phân công thực hiện:

- Quỹ BV&PTR của tỉnh chủ trì.
- Phối hợp với “Tổ Kỹ thuật”.





12. CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN LÀM MẪU

Mục đích:

Chi trả DVMTR là một chính sách mới, cần chọn một địa bàn thực hiện làm mẫu để rút kinh nghiệm triển khai trên các địa bàn khác của tỉnh, đồng thời cũng là một hình thức tập huấn thông qua công việc cho các đơn vị và cá nhân có liên quan.

Nội dung công việc:

1) Chọn 01 xã để làm mẫu theo các điều kiện chính sau:

- Có khu rừng cung ứng DVMTR;
- Xác định được đối tượng phải trả tiền DVMTR và số lượng tiền họ sẽ trả;
- Có sự đồng thuận lựa chọn và chỉ đạo của chính quyền xã, chính quyền huyện, Lãnh đạo Sở NN&PTNT và Lãnh đạo tỉnh;
- Có Quyết định của UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên địa bàn xã được chọn để làm mẫu trước khi triển khai trên các địa bàn khác.

2) “Tổ kỹ thuật” tiến hành rà soát hiện trạng rừng của khu rừng được chọn làm mẫu, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/10.000 – 1/25.000 và bộ số liệu thống kê diện tích các trạng thái rừng.

- “Tổ kỹ thuật” rà soát xác định trên địa bàn xã có hay không:
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp;

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước cho thuê rừng và đất lâm nghiệp;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với chủ rừng là tổ chức nhà nước;

Nếu trên địa bàn xã không có các đối tượng như trên, thì chủ rừng là tổ chức nhà nước tiến hành việc ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn và tổ chức trên diện tích rừng được nhà nước giao quản lý.

4) *Quỹ BV&PTR cùng với chủ rừng và “Tổ Kỹ thuật” lập bảng danh sách các đối tượng sẽ được nhận tiền chi trả DVMTR để xác nhận và phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.*

5) *Xác định mức tiền chi trả DVMTR: Quỹ BV&PTR phối hợp với “Tổ Kỹ thuật” căn cứ vào số tiền DVMTR được nhận và diện tích khu rừng cung ứng DVMTR để tính mức tiền chi trả DVMTR bình quân trên địa bàn, trình Sở NN&PTNT thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.*

6) *“Tổ Kỹ thuật” phối hợp với chủ rừng và Quỹ BV&PTR xây dựng cơ chế chi trả tiền DVMTR trên địa bàn xã thực hiện làm mẫu, gồm các công việc:*

- Quy định trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh và phòng cháy, chữa cháy rừng, các biện pháp tuần tra bảo vệ rừng trong Hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa chủ rừng là tổ chức nhà nước với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn hoặc Hợp đồng chi trả DVMTR giữa Quỹ BV&PTR với các chủ rừng được giao rừng và đất lâm nghiệp;
- Hướng dẫn, tập huấn thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh và phòng cháy, chữa cháy rừng, các biện pháp tuần tra bảo vệ rừng cho các đối tượng cung ứng DVMTR và được nhận tiền chi trả DVMTR;
- Quy định các biện pháp xử lý đối với các trường hợp không thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Thiết lập hệ số chi trả DVMTR (hệ số K) theo các nguyên tắc quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của khu rừng để làm căn cứ xác định mức chi trả cho các đối tượng được khoán bảo vệ rừng;

Hệ số K do Thủ trưởng của tổ chức nhà nước quản lý khu rừng quy định sau khi đã thảo luận và được sự đồng ý của tất cả các đối tượng ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng;

- Quy định cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng chi trả DVMTR, gồm các nội dung: Kết quả lao động của những đối tượng được nhận tiền DVMTR theo quy định tại bản hợp đồng; Diễn biến tình hình về diện tích và chất lượng rừng; Việc thực hiện trách nhiệm trả tiền ủy thác của Quỹ BV&PTR và chủ rừng;
 - Quy định cơ chế tạm ứng, thanh toán tiền DVMTR: Thời điểm tạm ứng; Thời điểm nghiệm thu và thanh toán; Phương thức tạm ứng và thanh toán: cho từng hộ gia đình hay từng nhóm hộ gia đình, từng cá nhân hay cộng đồng; Nếu tạm ứng và thanh toán theo cộng đồng thì phương thức nào để chi trả từ cộng đồng đến từng hộ gia đình hay cá nhân.
- 7) Phổ biến nội dung chính sách chi trả DVMTR đến tất cả các đối tượng có hợp đồng tham gia cung ứng DVMTR để họ hiểu kỹ, hiểu đúng chính sách và xác định thái độ tham gia thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của mình.
- 8) UBND xã chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ và chủ rừng là tổ chức nhà nước tuyên truyền, vận động các hộ gia đình có hợp đồng tham gia chi trả DVMTR thực hiện tốt chính sách của nhà nước, đồng thời có biện pháp giúp các hộ gia đình sử dụng có hiệu quả nguồn thu nhập từ chi trả DVMTR để cải thiện sinh kế.
- 9) Sau 01 năm triển khai, UBND tỉnh chủ trì, phân công Sở NN&PTNT và UBND huyện tiến hành sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch chung của tỉnh và áp dụng cho các địa bàn khác.

Sản phẩm:

- Chính sách chi trả DVMTR được thực hiện có hiệu quả trên địa bàn xã.
- Các hộ dân nhận thức đúng về chính sách, tham gia tích cực và thu nhập được cải thiện từ việc tham gia cung ứng DVMTR.
- Các doanh nghiệp sử dụng DVMTR trả tiền đúng số lượng và tiến độ phải trả.
- Các bài học kinh nghiệm được rút ra để áp dụng cho các địa bàn khác.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với UBND huyện, UBND xã được chọn thực hiện mẫu.
- “Tổ Kỹ thuật”, Quỹ BV&PTR và chủ rừng trực tiếp thực hiện.
- Các chuyên gia ở trung ương.



13. TẬP HUẤN KỸ THUẬT, TUYÊN TRUYỀN

Mục đích:

Giúp các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR của tỉnh và mọi tầng lớp nhân dân hiểu và nhận thức đầy đủ về các nội dung quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện có hiệu quả chính sách này trên địa bàn tỉnh.

Nội dung công việc:

- Tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ các cơ quan cấp tỉnh về nội dung của chính sách chi trả DVMTR, các bước công việc cần tiến hành để thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh và tiếp thu những ý kiến đóng góp cho việc triển khai chính sách đạt hiệu quả cao nhất;
- Tổ chức lớp tập huấn tại từng huyện cho cán bộ các cơ quan cấp huyện và xã về nội dung của chính sách chi trả DVMTR, các bước công việc cần tiến hành để thực hiện chính sách trên địa bàn huyện và tiếp thu những ý kiến đóng góp cho việc triển khai chính sách đạt hiệu quả cao nhất;
- Tổ chức các đợt tham quan và tham gia của các cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã đến tại xã được thực hiện làm mẫu để học tập và đóng góp ý kiến;

- Các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng của địa phương và của trung ương trên địa bàn được mời đến tham dự các lớp tập huấn trên và đến tham quan xã làm mẫu để họ cũng có nhận thức về chính sách và thông tin những nội dung của chính sách chi trả DVMTR đến với quần chúng ở địa phương.

Sản phẩm:

- Các lớp tập huấn và tham quan được tổ chức với đầy đủ các thành phần cần được mời tham gia.
- Nhận thức của cán bộ các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã về chính sách chi trả DVMTR được nâng lên.
- Công tác tuyên truyền về chính sách chi trả DVMTR được các cơ quan báo chí tiến hành một cách thiết thực và hiệu quả.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin-Truyền thông, Sở Văn hóa-Thể thao-Du lịch.
- Các chuyên gia từ trung ương và của “Tổ Kỹ thuật” trong tỉnh.



14. XÂY DỰNG ĐỀ ÁN GIAO RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Nhằm làm cho các khu rừng của tỉnh đều có chủ, từ đó công tác bảo vệ và phát triển rừng tốt hơn, thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả DVMTR.

Nội dung công việc:

- Rà soát, đánh giá hiện trạng giao rừng và đất lâm nghiệp hiện nay trên địa bàn tỉnh về thủ tục và hiệu quả quản lý;
- Chẩn chỉnh, củng cố, hoàn thiện các trường hợp đã tiến hành nhưng chưa hoàn chỉnh (chưa có quyết định giao, chưa được cấp Sổ ĐỎ, chưa bàn giao,...);
- Tiến hành công tác giao rừng và đất lâm nghiệp cho các trường hợp mới phù hợp với Luật Đất đai và Luật BV&PTR để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp;
- Những tỉnh đã thực hiện giao rừng và đất LN không cần xây dựng Đề án, chỉ tiến hành rà soát tình hình giao rừng và đất LN.



Sản phẩm:

- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng giao rừng và đất lâm nghiệp.
- Các bộ hồ sơ giao rừng và đất lâm nghiệp mới.
- Bản danh sách các chủ rừng được UBND tỉnh giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện.
- Chi cục Lâm nghiệp và “Tổ Kỹ thuật” trực tiếp thực hiện với sự phối hợp của các cơ quan có liên quan.



15. XÂY DỰNG ĐỀ ÁN KHOÁN BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Mục đích:

Nhằm tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tham gia bảo vệ rừng và thực hiện chính sách chi trả DVMTR.

Nội dung công việc:

- Rà soát, đánh giá hiện trạng công tác khoán bảo vệ rừng hiện nay trên địa bàn tỉnh về thủ tục và hiệu quả quản lý;
- Tiến hành công tác khoán bảo vệ rừng tại các BQL rừng.

Sản phẩm:

- Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng công tác khoán bảo vệ rừng.
- Các bộ hồ sơ khoán bảo vệ rừng mới.
- Bản danh sách các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được khoán bảo vệ rừng theo các BQL rừng.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, các BQL rừng và UBND các xã.
- Chi cục Lâm nghiệp và “Tổ Kỹ thuật” trực tiếp thực hiện với sự phối hợp của các cơ quan có liên quan.



16. XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN CHI TRẢ DVMTR

Mục đích:

Nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả tiền chi trả DVMTR theo mục đích của chính sách và các quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Nội dung công việc:

- Quy định các hạng mục, thủ tục chi tiêu số tiền quản lý mà Quỹ BV&PTR của tỉnh được phép sử dụng từ tiền ủy thác của bên sử dụng DVMTR;
- Quy định các hạng mục, thủ tục chi tiêu số tiền quản lý mà các Ban quản lý rừng của tỉnh được phép sử dụng từ tiền ủy thác của bên sử dụng DVMTR;
- Quy định trình tự, thủ tục chuyển và quyết toán tiền ủy thác chi trả DVMTR giữa Quỹ BV&PTR của tỉnh và các BQL rừng, các chủ rừng;
- Quy định trình tự, thủ tục tạm ứng, nghiệm thu, quyết toán tiền chi trả DVMTR giữa BQL rừng và các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng;
- Quy định mức tiền chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh;

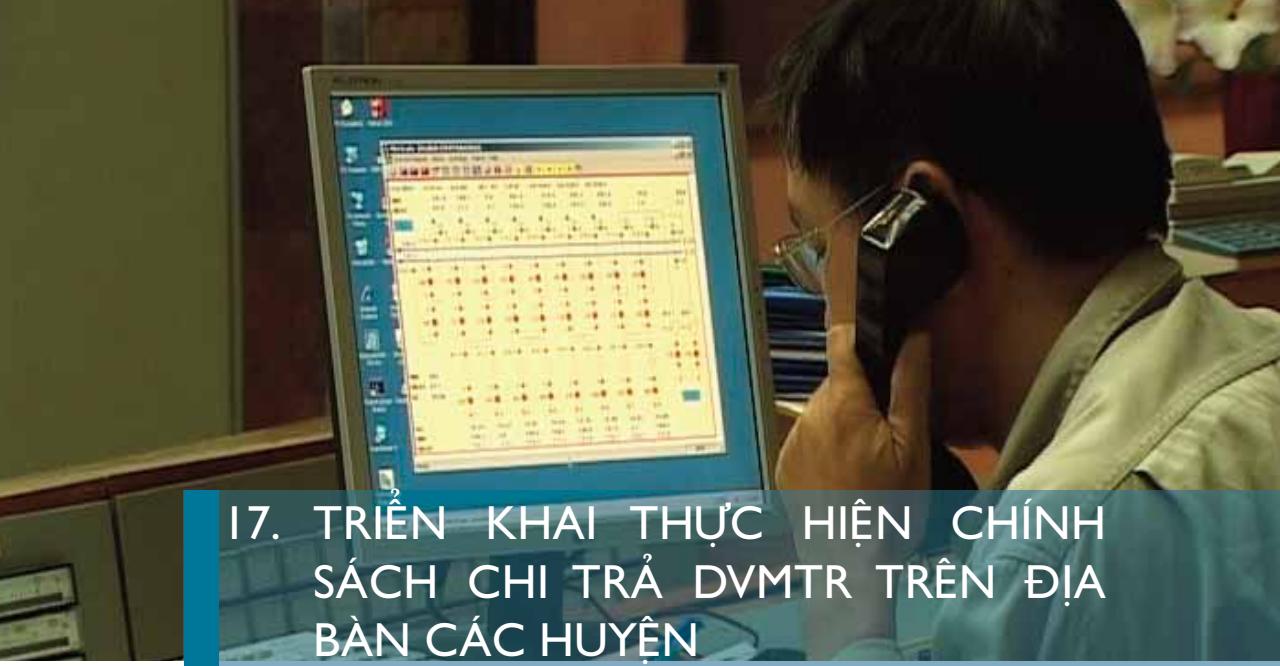
- Quy định trình tự, thủ tục phân chia tiền chi trả DVMTR giữa các thành viên trong một nhóm hộ gia đình hay trong một cộng đồng dân cư thôn cùng thực hiện hợp đồng khoán bảo vệ rừng với BQL rừng;
- Quy định trách nhiệm của các Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh ở xã và huyện trong việc tham gia vận động, hỗ trợ các hộ dân sử dụng có hiệu quả tiền chi trả DVMTR mà họ được nhận;
- Quy định trình tự, thủ tục nghiệm thu, giám sát, đánh giá: Số lượng và chất lượng khu rừng cung ứng DVMTR; Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các BQL rừng trong chi trả DVMTR; Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ rừng là các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong chi trả DVMTR;
- Quy định việc khen thưởng, xử phạt đối với các trường hợp không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ;
- Quy định trình tự, thủ tục tham gia giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của bên trả tiền DVMTR;
- Quy định việc xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp sử dụng DVMTR nhưng không trả tiền DVMTR hoặc trả không đủ, không đúng tiến độ, gây ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chính sách chi trả DVMTR mà không có lý do chính đáng.

Sản phẩm:

- Các văn bản quy định nói trên được soạn thảo dựa trên các nội dung của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan, được thảo luận và góp ý của tất cả các đối tượng có liên quan.
- Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định trên.

Phân công thực hiện:

- Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở có liên quan.
- Chi cục Lâm nghiệp, “Tổ Kỹ thuật” và các chuyên gia trực tiếp thực hiện.



17. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHI TRẢ DVMTR TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN

Phương hướng:

Triển khai trước ở những nơi có điều kiện thuận lợi hơn về:

- Có nguồn tiền chi trả
- Xác định được đối tượng nhận tiền DVMTR
- Giao thông, đi lại
- Sự quyết tâm, nhiệt tình của chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội

Nguyên tắc:

- Dựa trên kinh nghiệm của xã thực hiện mẫu
- Theo các quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các quy định cụ thể của UBND tỉnh
- Nên tập trung triển khai lần lượt từng huyện
- Tổ chức sơ kết, đánh giá sau mỗi 6 tháng để rút kinh nghiệm cho bước tiếp theo
- Vận động, tuyên truyền, hỗ trợ các hộ dân sử dụng có hiệu quả tiền thu được từ chính sách chi trả DVMTR để cải thiện sinh kế cho họ và đảm bảo việc thực hiện chính sách đạt kết quả tốt đẹp như Chính phủ mong muốn.